

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT SAU THI LẠI NĂM HỌC 2018-2019

Khối: 10

STT	Họ và tên	LỚP	SBD	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI																Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI																
				Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại				Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Dia	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại			Xét duyệt
																	TBcm	HL	HK															TBcm	HL	HK	
1	Nguyễn Thiên Kim	10A1	013	5.1	4.5	3.2	6.4	6.6	5.8	5.7	4.4	5.4	6.1	6.4	Đ	5.9	5.5	Y	TB	H	5.1	4.5	6.3	6.4	6.6	5.8	5.7	4.4	5.4	6.1	6.4	Đ	5.9	5.7	TB	TB	Lên lớp
2	Nguyễn Trí Mẫn	10A1	014	4.3	3.4	3.4	7.5	4.3	4.7	5.5	4.4	4	6.8	6.8	Đ	7	5.2	Y	TB	L H V	4.3	0	5	7.5	4.3	2.8	5.5	4.4	4	6.8	6.8	Đ	7	4.9	Kém	TB	Ở lại lớp
3	Trần Nguyễn Hùng Minh	10A1	015	3.5	4.4	3.4	7.2	3.8	5.4	7.2	4.4	3	6.4	6.8	Đ	5.3	5.1	Y	TB	H A	3.5	4.4	7.5	7.2	3.8	5.4	7.2	4.4	4.4	6.4	6.8	Đ	5.3	5.5	TB	TB	Lên lớp
4	Huỳnh Deth Rotthyda	10A1	021	4.8	2	4.3	6.2	6	4.7	5.2	3.2	3.9	6.1	6.6	Đ	8.3	5.1	Y	Khá	L Di V	4.8	3	4.3	6.2	6	5	5.2	7.3	3.9	6.1	6.6	Đ	8.3	5.6	Yếu	Khá	Ở lại lớp
5	Huỳnh Ngọc Tài	10A1	022	4.5	3.9	2.6	5.2	6.5	4.2	5.4	3.5	4.9	5	5.7	Đ	7.2	4.9	Y	Khá	H T	5	3.9	6.8	5.2	6.5	4.2	5.4	3.5	4.9	5	5.7	Đ	7.2	5.3	TB	Khá	Lên lớp
6	Hoàng Vĩnh Khang	10A2	009	4.2	4	5.1	5.6	4.7	4.7	5.4	4.6	6.5	6.2	5.3	Đ	6.7	5.3	Y	TB	V	4.2	4	5.1	5.6	4.7	6.3	5.4	4.6	6.5	6.2	5.3	Đ	6.7	5.4	TB	TB	Lên lớp
7	Nguyễn Tuấn Khang	10A2	010	4.4	3.2	4.4	6.1	4.5	6	5.2	2.5	4.6	5.6	5.6	Đ	6.3	4.9	Y	Khá	L Di	4.4	4.8	4.4	6.1	4.5	6	5.2	5	4.6	5.6	5.6	Đ	6.3	5.2	TB	Khá	Lên lớp
8	Đặng Hoàng Phi	10A2	018	5.4	3	5.2	4.7	5.5	4.6	4.8	2.9	5	5.2	6	Đ	7.4	5	Y	Khá	L Di	5.4	1.5	5.2	4.7	5.5	4.6	4.8	5.3	5	5.2	6	Đ	7.4	5.1	Kém	Khá	Ở lại lớp
9	Võ Hoàng Minh Thiện	10A2	026	3.4	3.1	3.7	5.7	6	4.4	5.3	3.3	4.7	6.9	5.6	Đ	6.3	4.9	Y	TB	T L Di	4.5	6	3.7	5.7	6	4.4	5.3	5.3	4.7	6.9	5.6	Đ	6.3	5.4	Yếu	TB	Ở lại lớp
10	Phan Hoàng Tín	10A2	028	5.8	4.6	6.2	5.2	6.3	6	4.6	3.3	5.7	5.3	6.5	Đ	6.2	5.5	Y	Khá	Di	5.8	4.6	6.2	5.2	6.3	6	4.6	5	5.7	5.3	6.5	Đ	6.2	5.6	TB	Khá	Lên lớp
11	Phạm Hoàng Minh Trí	10A2	029	3.2	2.1	3.8	4.3	5	3.2	3.9	3.3	4	5	6.5	Đ	6.6	4.2	Y	TB	T L V Di	1.5	2.5	3.8	4.3	5	6.8	3.9	1	4	5	6.5	Đ	6.6	4.2	Kém	TB	Ở lại lớp
12	Vũ Hoàng Mỹ Ý	10A2	032	4.3	2.8	3.6	4.9	8	6.6	6.5	4.2	6.1	5	5.8	Đ	6.4	5.4	Y	Khá	L	4.3	4.8	3.6	4.9	8	6.6	6.5	4.2	6.1	5	5.8	Đ	6.4	5.5	TB	Khá	Lên lớp
13	Nguyễn Thanh An	10A3	001	3.7	2.8	3.7	7	4.7	4.8	6	5.5	4	6.1	6.3	Đ	6.3	5.1	Y	TB	L V	3.7	3.5	3.7	7	4.7	6.8	6	5.5	4	6.1	6.3	Đ	6.3	5.3	TB	TB	Lên lớp
14	Trương Gia Huy	10A3	008	3.2	3.5	4.6	4.8	5.2	5.3	4.7	3.9	5	4.6	7.6	Đ	6.9	4.9	Y	TB	T Di	2	3.5	4.6	4.8	5.2	5.3	4.7	3.8	5	4.6	7.6	Đ	6.9	4.8	Yếu	TB	Ở lại lớp
15	Lê Tuấn Kiệt	10A3	012	3.7	4	2	4.7	6.5	5.4	4.5	3.4	7.8	4.8	6.7	Đ	6.8	5	Y	TB	H Di	3.7	4	2	4.7	6.5	5.4	4.5	6	7.8	4.8	6.7	Đ	6.8	5.2	Yếu	TB	Ở lại lớp
16	Đoàn Lê Uyên Nhi	10A3	017	4.4	3.9	2.9	7.2	7	5.4	5.9	5.8	5.6	6.7	6.2	Đ	8	5.8	Y	Khá	H	4.4	3.9	7.8	7.2	7	5.4	5.9	5.8	5.6	6.7	6.2	Đ	8	6.2	TB	Khá	Lên lớp
17	Nguyễn Ngọc Quang	10A3	020	4.8	3.7	3.3	5.9	5.3	5.4	6	5	6.4	6.4	5.8	Đ	5.8	5.3	Y	TB	H	4.8	3.7	7.5	5.9	5.3	5.4	6	5	6.4	6.4	5.8	Đ	5.8	5.7	TB	TB	Lên lớp
18	Huỳnh Ngọc Thảo	10A3	024	2.9	3.5	5	4.5	6.7	4.5	5.4	5.2	6	5.9	7	Đ	7.4	5.3	Y	TB	T V	3.5	3.5	5	4.5	6.7	4.8	5.4	5.2	6	5.9	7	Đ	7.4	5.4	Yếu	TB	Ở lại lớp
19	Nguyễn Phùng Như Ý	10A3	031	3.2	4.9	3.7	5.1	8.4	5.7	7.5	6.9	4.4	7.1	7.2	Đ	5.7	5.8	Y	TB	T	1.8	4.9	3.7	5.1	8.4	5.7	7.5	6.9	4.4	7.1	7.2	Đ	5.7	5.7	Kém	TB	Ở lại lớp
20	Nguyễn Hữu Thắng	10A4	025	4.4	4.2	4.2	5.8	7.9	4.8	6.4	3.1	6.6	5.6	6.7	Đ	6.1	5.5	Y	Khá	Di V	4.4	4.2	4.2	5.8	7.9	5.5	6.4	4.8	6.6	5.6	6.7	Đ	6.1	5.7	TB	Khá	Lên lớp
21	Nguyễn Thành Anh Thư	10A4	027	4.6	3.8	4	6.3	7	6	4.6	3.3	5	6.3	6.1	Đ	6.8	5.3	Y	Khá	Di	4.6	3.8	4	6.3	7	6	4.6	4	5	6.3	6.1	Đ	6.8	5.4	TB	Khá	Lên lớp
22	Phạm Công Tú	10A4	030	4.9	4.1	5.1	6.2	6.2	4.8	5.1	3.2	5.2	6.5	6.5	Đ	6.4	5.4	Y	TB	Di V	4.9	4.1	5.1	6.2	6.2	5	5.1	7.5	5.2	6.5	6.5	Đ	6.4	5.7	TB	TB	Lên lớp
23	Võ Lê Ngọc Anh	10A5	003	3	3.9	4.5	5.9	8.9	5.5	5.1	3.9	3.8	5.4	6.8	Đ	7.3	5.3	Y	TB	T	1.5	3.9	4.5	5.9	8.9	5.5	5.1	3.9	3.8	5.4	6.8	Đ	7.3	5.2	Kém	TB	Ở lại lớp
24	Nguyễn Trần Gia Khánh	10A5	011	3.3	4.3	3.6	5.7	7.8	5.8	6.8	3.8	5	5.5	6.8	Đ	7.1	5.5	Y	Khá	T	3.5	4.3	3.6	5.7	7.8	5.8	6.8	3.8	5	5.5	6.8	Đ	7.1	5.5	TB	Khá	Lên lớp
25	Nguyễn Tường Nhật Nam	10A6	016	4.8	4.6	3.4	5.5	7.3	4.9	5	3.3	5.3	6.4	5.4	Đ	6.2	5.2	Y	Khá	T H Di	6.3	4.6	8	5.5	7.3	4.9	5	8.8	5.3	6.4	5.4	Đ	6.2	6.1	TB	Khá	Lên lớp

STT	Họ và tên	LỚP	SBD	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI																Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI																	
				Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại				Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Dia	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại			Xét duyệt	
																	TBcm	HL	HK															TBcm	HL	HK		
26	Huỳnh Minh Chiến	10A7	004	2.1	4.9	5.2	5.5	6.6	5.3	4.4	4.3	7.1	5.1	6	Đ	6.5	5.3	Y	TB	T	0.8	4.9	5.2	5.5	6.6	5.3	4.4	4.3	7.1	5.1	6	Đ	6.5	5.1	Kém	TB	Ở lại lớp	
27	Đặng Võ Minh Phúc	10A7	019	3.3	3.7	4	4.9	4.8	6	6	5.4	5.6	6.1	7.2	Đ	6.6	5.3	Y	Khá	T	3.5	3.7	4	4.9	4.8	6	6	5.4	5.6	6.1	7.2	Đ	6.6	5.3	TB	Khá	Lên lớp	
28	Nguyễn Văn Thành	10A7	023	3.6	3.8	6	5.8	6.4	4.6	5.9	4.7	3.8	5.2	5.3	Đ	6.6	5.1	Y	TB	V	3.6	3.8	6	5.8	6.4	4.5	5.9	4.7	3.8	5.2	5.3	Đ	6.6	5.1	Yếu	TB	Ở lại lớp	
29	Nguyễn Nguyệt Lan Anh	10A8	002	2.9	3.9	3.8	6	6.2	6.9	7.4	4.1	6.1	6.2	5.8	Đ	7.1	5.5	Y	TB	T	0	3.9	3.8	6	6.2	6.9	7.4	4.1	6.1	6.2	5.8	Đ	7.1	5.3	Kém	TB	Ở lại lớp	
30	Vũ Tiến Đạt	10A8	005	3.3	4.4	2.6	4.5	6.6	5	6.2	5.1	6.5	4.5	5.6	Đ	6.3	5.1	Y	Khá	T H	4	4.4	8.8	4.5	6.6	5	6.2	5.1	6.5	4.5	5.6	Đ	6.3	5.6	TB	Khá	Lên lớp	
31	Trần Trọng Hiếu	10A9	006	3.2	4.8	4.8	5.2	4.8	6	6	4.2	5.3	6	6.4	Đ	6.6	5.3	Y	TB	T	1.3	4.8	4.8	5.2	4.8	6	6	4.2	5.3	6	6.4	Đ	6.6	5.1	Kém	TB	Ở lại lớp	
32	Nguyễn Hữu Huy	10A11	007	4.7	5.3	4.9	6.5	7.8	4.1	6.5	4.7	7.1	5.8	6.9	Đ	5.6	5.8	Y	Khá	T V	4	5.3	4.9	6.5	7.8	5	6.5	4.7	7.1	5.8	6.9	Đ	5.6	5.8	TB	Khá	Lên lớp	

Kết quả có: 18 học sinh được lên lớp và 14 học sinh ở lại lớp